

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HS-ST
Ngày 31-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Đôi

Ông Bùi Đình Phùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2018/TLST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

ĐỖ TIẾN Đ, sinh ngày 13 tháng 8 năm 1988 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện V, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Tiến N1, sinh năm 1966 và bà Lê Thị C, sinh năm 1966; có vợ là Lê Thị H, sinh năm 1988 và 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Có 02 tiền án tại các Bản án số 36/2015/HSST ngày 12 tháng 8 năm 2015, Tòa án nhân dân huyện V, Hải Phòng xử phạt Đỗ Tiến Đ 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (Chưa được xóa án tích) và Bản án số 18/2017/HSST ngày 06 tháng 6 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện T, Hải Phòng xử phạt Đỗ Tiến Đ 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (Chưa được xóa án tích); nhân thân: Tại bản án số 17/2007/HSST ngày 14 tháng 6 năm 2007, Tòa án nhân dân huyện V, Hải Phòng xử phạt Đỗ Tiến Đ 12 (mười hai) tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" (Đã được xóa án tích). Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Tạm giam" từ ngày 14 tháng 4 năm 2018; có mặt.

- *Người bị hại:* Bà Trương Thị N2, sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn Kim Đói 3, xã Hữu Bằng, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Vũ Văn N3, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn Gia Phong, xã Tân Hưng, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Bà Lê Thị C, sinh năm 1966 (là mẹ đẻ của bị cáo Đồi); nơi cư trú: Thôn Tiên Am, xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; có mặt.

3. Ông Đỗ Tiến N1, sinh năm 1966 (là bố đẻ của bị cáo Đồi); nơi cư trú: Thôn Tiên Am, xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Đỗ Văn H, vắng mặt.

2. Ông Ngô Văn H1, vắng mặt.

3. Anh Bùi Văn C1, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 9 giờ ngày 12 tháng 4 năm 2018, tại nhà Vũ Văn N3 (sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện V, Hải Phòng), N3 nói với Đ "đi lòng vòng xem có kiếm được gì để mua Đá (Ma túy) về chơi". Đồi hiểu ý là sẽ đi trộm cắp tài sản nên đồng ý, trước khi đi N3 chuẩn bị 01 cây gậy bằng sắt (gồm 03 khúc, có cán cầm) để ở vòng xe mô tô do Đ điều khiển, Đ dùng xe mô tô Jupiter V, nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát: 99H4-1033 (xe Đồi mượn của cha đẻ là ông Đỗ Tiến N1) để chở N3 đi. Đ chở N3 đến Trung tâm cai nghiện ma túy ở thị trấn T để Đ uống Methadone. Sau đó, Đ tiếp tục chở N3 đi sang địa bàn huyện K với mục đích tìm nhà dân nào sơ hở để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, khi Đ chở N3 đi qua cổng nhà bà Trương Thị N ở thôn K 3, xã H, huyện K, Hải Phòng thấy cổng và cửa đều khóa, không có ai ở nhà, có tiếng chó sủa, N3 dùng chân huých vào đuôi của Đ, Đ hiểu ý sẽ trộm cắp tài sản nên chở N3 đi qua nhà bà N2 một đoạn. N3 xuống xe nhặt được một bao dứa màu trắng và 01 tay còng bằng kim loại (hình chữ L) ở lề đường rồi lên xe của Đ. Đ chở N3 quay lại, dùng xe cách cổng nhà bà N2 khoảng 5 mét, Đ ở ngoài để cảnh giới, N3 trèo qua tường bao vào trong sân nhà bà N2, thấy có 01 con chó màu đen vàng đang xích ở thân cây cau trong sân, N3 dùng dây xích xiết cổ con chó đến chết và cho vào trong bao dứa. Cùng lúc đó có một số người dân hô to "Trộm, trộm". Đ đứng ngoài gọi "N3 ơi" ba lần, mục đích báo cho N3 biết đã bị lộ để N3 bỏ trốn, N3 để lại con chó và bỏ chạy, Đ cũng phóng xe máy chạy. Ngay sau đó Đ và N3 đều bị một số người dân bắt, đánh

và đốt cháy xe mô tô do Đ điều khiển. Sau đó Đ và N3 cùng vật chứng được đưa về trụ sở Công an xã H, huyện K để giải quyết.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 con chó màu đen vàng (đã chết) của bà Trương Thị N2; 01 bao dứa màu trắng; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại xe JUPITER V đã bị cháy toàn bộ, chỉ còn trơ lại phần khung cùng 01 biển kiểm soát 99H4-1033. Thu giữ của N3: 01 điện thoại di động NOKIA màu đen, trắng (đã qua sử dụng); 01 điện thoại Iphone màu đen đã qua sử dụng; 01 tay còng bằng kim loại (hình chữ L, cạnh dài 11 cm, cạnh ngắn 05 cm) được nối liền với 01 thanh kim loại hình trụ lục giác (một đầu được mài dẹt, dài 05 cm) và 236.000^d cùng 01 gậy bằng sắt (03 khúc, có cán cầm, dài 50 cm, đường kính cán cầm là 03 cm, đường kính đầu gậy là 01 cm) của N3 mà Đ đã dùng để dọa người dân khi bỏ chạy, do người dân thu được giao nộp lại cho Công an xã. Thu giữ của Đ 01 điện thoại di động NOKIA màu đen, trắng (đã qua sử dụng).

Kết luận định giá tài sản ngày 13 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện K, thành phố Hải Phòng kết luận: 01 con chó màu đen vàng, trọng lượng 23,8 kg (chó đã bị chết), có giá trị 1.666.000^d (Một triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Kết luận định giá tài sản ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện K, thành phố Hải Phòng kết luận: 01 (một) xe mô tô Jupiter V, nhãn hiệu Yamaha, BKS 99H4-1033 (đã bị đốt cháy hư hỏng), có giá trị 1.800.000^d (Một triệu, tám trăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 18/CT-VKSKT ngày 02 tháng 7 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố Đỗ Tiến Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận tội: Khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 12 tháng 4 năm 2018, Đ chở N3 đến nhà bà Trương Thị N2, sinh năm 1958 ở thôn K 3, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng để thực hiện hành vi trộm cắp 01 con chó màu đen vàng, trọng lượng 23,8 kg, có giá trị 1.666.000^d. Khi Đ đang đứng phía ngoài cổng để canh giới và N3 ở trong sân nhà bà N2 đang thực hiện hành vi trộm cắp thì bị một số người dân phát hiện, bắt giữ cùng vật chứng.

Đối với N3 có hành vi cùng bị cáo Đ "Trộm cắp tài sản" dưới 2.000.000^d (Hai triệu đồng). Nhân thân N3 chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản nên hành vi của N3 không cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Do vậy, Công an huyện K đã ra quyết định xử phạt hành chính.

Khi bị phát hiện trộm cắp tài sản, Đ và N3 bị một số người dân bắt, đánh, Đ và N3 đều từ chối giám định thương tích, không có yêu cầu, đề nghị gì nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với việc bố đẻ của Đ là ông Đỗ Tiến N1 cho Đ mượn xe mô tô BKS: 99H4 - 1033 để đi uống Methadone, không biết Đ sử dụng xe đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không xử lý.

01 con chó màu đen vàng (đã chết), trọng lượng 23,8 kg có giá trị 1.666.000^d, Cơ quan điều tra đã giao lại cho chủ sở hữu là bà Trương Thị N2. Bà N2 có yêu cầu bồi thường số tiền 1.666.000^d.

Hành vi đốt cháy xe mô tô BKS: 99H4 - 1033, có giá trị 1.800.000^d (Một triệu, tám trăm nghìn đồng), hiện chưa làm rõ được ai là người đốt cháy chiếc xe mô tô nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách để tiếp tục điều tra xử lý sau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Tiến N1 và bà Lê Thị C (là bố mẹ đẻ của bị cáo Đ) trình bày tại phiên tòa: Do Đ đang được điều trị cai nghiện ma túy bằng biện pháp uống Methadone, nên khi Đ mượn xe mô tô BKS: 99H4 - 1033 của ông, bà đi uống Methadone nên ông cho mượn, sau khi uống Methadone, Đ chở N3 đi trộm cắp tài sản bị một số người dân phát hiện, bắt giữ rồi đốt cháy hoàn toàn xe (chỉ còn lại khung và biển số) gây thiệt hại cho ông bà số tiền 1.800.000^d như kết luận định giá tài sản đã kết luận. Ông bà xét thấy hành vi trộm cắp của Đ, N3 là sai, con dại cái mang nên không yêu cầu Đ, N3 phải bồi thường số tiền nêu trên.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị cáo; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Đỗ Tiến Đ với mức án từ 12 (Mười hai) tháng đến 15 (Mười lăm) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Bị cáo không có công việc ổn định, làm lao động tự do, thu nhập thấp nên không phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Căn cứ vào: Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 587, Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Đỗ Tiến Đ và Vũ Văn N3 bồi thường cho bà N2 số tiền 1.666.000^d, trong đó, mỗi người phải bồi thường số tiền 833.000^d.

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- + 01 bao dứa màu trắng; 01 tay còng bằng kim loại (hình chữ L); 01 cây gậy bằng sắt 03 khúc là những đồ vật Vũ Văn N3 và bị cáo sử dụng để trộm cắp tài sản, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- + 01 điện thoại di động Nokia màu đen trắng, 01 điện thoại di động iPhone màu đen và số tiền 236.000^d (Hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng) thu của Vũ Văn N3; 01 điện thoại di động Nokia màu đen trắng thu của bị cáo Đ, là những tài sản

không liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản nên cần trả lại cho N3, Đ nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo Đ mượn xe mô tô BKS: 99H4 - 1033 của ông N1 để đi uống Methadone, sau đó chở N3 đi trộm cắp tài sản, bị người dân bắt giữ và đốt cháy xe gây thiệt hại cho ông N1, bà C số tiền 1.800.000^d theo như bản kết luận định giá tài sản đã kết luận. Tại phiên tòa, ông N1 và bà C đều trình bày không yêu cầu Đ, N phải bồi thường cho ông bà số tiền nêu trên nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

Sau khi đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, bị cáo đều thành khẩn khai nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản, những lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 12 tháng 4 năm 2018, Đ chở N3 đến nhà bà Trương Thị N2, sinh năm 1958 ở thôn K 3, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng để thực hiện hành vi trộm cắp 01 con chó màu đen vàng, có giá trị 1.666.000^d. Khi Đ, N3 đang thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì bị một số người dân phát hiện, bắt giữ cùng vật chứng. N3 có hành vi cùng bị cáo Đỗ Tiến Đ "Trộm cắp tài sản" dưới 2.000.000^d, nhân thân N3 chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản nên hành vi của N không cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Đ có 02 tiền án về hành vi chiếm đoạt tài sản (chưa được xóa án tích) nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân, không chịu cải tạo để trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, lại tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản có giá trị 1.666.000^d. Như vậy, hành vi của bị cáo Đ đã thỏa mãn cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như Viện Kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo không chỉ xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà còn xâm hại đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự trị an chung. Vì vậy, cần phải xử phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân của bị cáo, đồng thời để phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo có ông ngoại là người có Huân chương kháng chiến hạng nhì. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động tự do thu nhập kinh tế không ổn định, bị cáo không có tài sản riêng. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo như Viện kiểm sát đề nghị.

- Về trách nhiệm dân sự:

[7] Bị cáo Đỗ Tiến Đ và anh Vũ Văn N3 đều phải liên đới bồi thường cho gia đình bà Trương Thị N2 số tiền 1.666.000^d (Một triệu, sáu trăm, sáu mươi sáu nghìn đồng), mỗi người phải bồi thường số tiền 833.000^d (Tám trăm, ba mươi ba nghìn đồng).

[8] Xe mô tô BKS: 99H4-1033 Đ mượn của ông N1 bị người dân đốt cháy xe gây thiệt hại cho ông N1, bà C số tiền 1.800.000^d. Tại phiên tòa, ông N1 và bà C đều trình bày không yêu cầu Đ, N3 phải bồi thường cho ông bà số tiền nêu trên nên không xem xét, giải quyết.

- Về xử lý vật chứng:

[9] 01 bao dứa màu trắng; 01 tay còng bằng kim loại (hình chữ L, cạnh dài 11 cm, cạnh ngắn 05 cm) được nối liền với 01 thanh kim loại hình trụ lục giác (một đầu được mài dẹt, dài 05 cm); 01 cây gậy bằng sắt (gồm 03 khúc, có cán cầm, đường kính cán cầm là 03 cm, đường kính đầu là 01 cm) không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[10] 01 điện thoại di động NOKIA màu đen trắng thu giữ của bị cáo Đ; 01 điện thoại di động NOKIA màu đen trắng; 01 điện thoại Iphone màu đen (đều đã qua sử dụng) và số tiền 236.000^d (Hai trăm, ba mươi sáu nghìn đồng) thu giữ của anh N3 không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo và anh N3, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Theo như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 02 tháng 7 năm 2018 và biên lai thu tiền số 0005538 ngày 03 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, Hải Phòng.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm, anh Vũ Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 587, Điều 589 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; khoản 1, khoản 2 Điều 47 và khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử phạt: Đỗ Tiến Đ 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14 tháng 4 năm 2018.

Bị cáo Đỗ Tiến Đ và anh Vũ Văn N3, mỗi người đều phải bồi thường cho gia đình bà Trương Thị N2 số tiền 833.000^d (Tám trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo, anh Vũ Văn N3 chưa bồi thường số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tại thời điểm thanh toán, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

+ Tịch thu tiêu huỷ: 01 bao dứa màu trắng; 01 tay còng bằng kim loại (hình chữ L, cạnh dài 11 cm, cạnh ngắn 05 cm) nối liền với 01 thanh kim loại hình trụ lục giác (một đầu được mài dẹt, dài 05 cm); 01 gậy sắt (03 khúc, có cán cầm, dài 50 cm, đường kính cán cầm là 03 cm, đường kính đầu là 01 cm).

+ Trả lại: 01 điện thoại di động NOKIA màu đen trắng (đã qua sử dụng) cho bị cáo Đ; 01 điện thoại di động NOKIA màu đen trắng; 01 điện thoại Iphone màu đen (đều đã qua sử dụng) và số tiền 236.000^d (Hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng) cho anh N3. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Theo như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 02 tháng 7 năm 2018 và biên lai thu tiền số 0005538 ngày 03 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, Hải Phòng.

Bị cáo phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Vũ Văn N3 phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông N1, bà C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại là bà Trương Thị N2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Văn N3 có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện K, HP;
- Trại giam Hải Phòng;
- Công an huyện K + PV 27;
- THA phạt tù + PC 81;
- Chi cục THADS huyện + Sở TP;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Đôi

Bùi Đình Phùng

Nguyễn Đức Hoàng

